

THÔNG BÁO VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH PHÍ SỬ DỤNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2025(Reiwa7), phí sử dụng hệ thống thoát nước sẽ được điều chỉnh.

※ Thông báo này cũng được phát đến những người không sử dụng hệ thống thoát nước.
Nếu trong thông báo "Thông báo về lượng nước sử dụng" của bạn, phí thoát nước là "0 yên",
thì không có thay đổi nào do việc điều chỉnh này.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự thấu hiểu và hợp tác của quý vị đối với hoạt động của hệ thống thoát nước.

Hoạt động của hệ thống thoát nước là một dự án quan trọng nhằm tạo ra môi trường sống khỏe mạnh và thoải mái cho cư dân, đồng thời bảo vệ chất lượng nước của sông, biển, cũng như loại bỏ nước mưa để ngăn ngừa ngập lụt trong thành phố.

Chi phí cho hoạt động của hệ thống thoát nước bao gồm chi phí liên quan đến nước mưa - được chi trả bằng thuế thành phố, trong khi chi phí xử lý nước thải phát sinh từ hộ gia đình và doanh nghiệp (chi phí xử lý nước thải) thì do người sử dụng chịu trách nhiệm trả theo dạng phí sử dụng hệ thống thoát nước. Phí sử dụng hệ thống thoát nước này sẽ được điều chỉnh vào ngày 1 tháng 4 năm 2025.

○Về việc điều chỉnh phí sử dụng hệ thống thoát nước

Theo nguyên tắc tự cân đối tài chính của Luật Doanh nghiệp công cộng địa phương, tất cả chi phí xử lý nước thải sẽ được lấp từ nguồn thu phí sử dụng hệ thống thoát nước., Và để tỷ lệ chi phí xử lý nước thải được lấp đủ từ nguồn thu phí sử dụng hệ thống thoát nước thì đòi hỏi tỷ lệ thu hồi chi phí phải là 100% trở lên.

Phí sử dụng hệ thống thoát nước của thành phố đã được điều chỉnh từng bước để đạt được tỷ lệ thu hồi chi phí 100%, từ mức khoảng 33% vào năm Heisei 1, nhờ vào sự gia tăng phí sử dụng hệ thống thoát nước do sự gia tăng dân số và bảy lần điều chỉnh phí, đã cải thiện lên khoảng 91% vào năm 2018

Tuy nhiên, hiện tại, sự gia tăng dân số đang chậm lại, cùng với việc phổ biến thiết bị tiết kiệm nước và sự đa dạng hóa lối sống, dẫn đến giảm lượng nước sử dụng. Trong các năm tài chính 2022 và 2023, phí sử dụng hệ thống thoát nước đã liên tục giảm và dự kiến sẽ tiếp tục giảm trong tương lai. Mặt khác, đã 54 năm trôi qua kể từ khi bắt đầu xử lý nước thải, chi phí cho việc cải tạo làm mới và nâng cấp độ chịu rung chấn cho cơ sở hạ tầng đã bị lão hóa ngày càng tăng, cùng với sự gia tăng giá cả, dẫn đến chi phí xử lý nước thải có xu hướng tăng. Ngay cả khi thành phố tiếp tục nỗ lực giảm chi phí và nâng cao hiệu quả cung cấp, chi phí xử lý nước thải dự kiến vẫn sẽ tiếp tục gia tăng.

※ Xin vui lòng xem mặt sau để biết thông tin về Xu hướng thay đổi của phí sử dụng hệ thống thoát nước và chi phí xử lý nước thải (từ năm 2014 đến năm 2033).

Do đó, tỷ lệ thu hồi chi phí là xấu nhất trong niên độ 2018, đến niên độ 2023 thì khoảng 85%, và khoảng 530 triệu yên phí sử dụng hệ thống thoát nước bị thiếu hụt đã được bù đắp bằng thuế thành phố. Nếu không điều chỉnh lần này, dự kiến vào năm 2025, khoản bù đắp sẽ lên tới khoảng 710 triệu yên, và sau đó, khoản bù đắp sẽ tiếp tục gia tăng.

Trong bối cảnh này, thành phố đã quyết định điều chỉnh phí sử dụng hệ thống thoát nước nhằm đạt được

tỷ lệ thu hồi chi phí trung bình trên 100% trong các năm 2025, 2026 và 2027.

Kết quả cho thấy, tỷ lệ điều chỉnh trung bình là 23,34%, một tỷ lệ cao nhưng cần thiết để cung cấp dịch vụ hệ thống thoát nước ổn định và liên tục, điều thiết yếu cho cuộc sống sinh hoạt vệ sinh. Chúng tôi sẽ tiếp tục nỗ lực giảm chi phí và nâng cao hiệu quả cung cấp, vì vậy rất mong nhận được sự thấu hiểu và hợp tác của quý vị.

○ Các loại nhà máy xử lý nước thải và ưu điểm, nhược điểm

Có hai loại nhà máy xử lý nước thải: nhà máy xử lý nước thải độc lập do thành phố xây dựng để xử lý nước thải trong thành phố và nhà máy xử lý nước thải lưu vực do tỉnh xây dựng để thu gom và xử lý nước thải từ nhiều thành phố, thị trấn khác nhau.

Để ứng phó với sự gia tăng dân số nhanh chóng trong những năm 1960, thành phố Yamato đã quyết định xây dựng nhà máy xử lý nước thải độc lập để có thể xử lý nhanh. Kết quả là, môi trường sống ở thành phố đã được cải thiện sớm hơn so với các thành phố khác có nhà máy xử lý nước thải lưu vực, đóng góp vào sự phát triển của thành phố.

Tuy nhiên, nhà máy xử lý nước thải độc lập có nhược điểm là chi phí xử lý nước thải cao hơn do không có lợi thế quy mô so với nhà máy xử lý nước thải lưu vực.

Mặt khác, ưu điểm của nhà máy xử lý nước thải độc lập là nguy cơ thiệt hại do động đất thấp hơn so với nhà máy xử lý nước thải lưu vực. Nhà máy xử lý nước thải lưu vực nằm ở cửa sông Sagami, có khả năng bị ảnh hưởng bởi sóng thần. Hơn nữa, thành phố Yamato nằm khá xa nhà máy xử lý nước thải lưu vực, do đó, khả năng ống thoát nước giữa thành phố và nhà máy xử lý nước thải lưu vực bị hư hỏng cũng cao hơn.

○ Bảng đơn giá phí sử dụng hệ thống thoát nước cho 2 tháng (chưa bao gồm thuế tiêu dùng)

Phân loại	Lượng nước thải được thải ra	Hiện hành	Sau khi điều chỉnh
Nước thải sinh hoạt	Phí cơ bản (cho phần đến 16 m ³)	1,350yen	1,666yen
	Phần vượt quá 16 m ³ đến 30 m ³	112yen	138yen
	Phần vượt quá 30 m ³ đến 50 m ³	125yen	154yen
	Phần vượt quá 50 m ³ đến 100 m ³	139yen	171yen
	Phần vượt quá 100 m ³ đến 200 m ³	159yen	196yen
	Phần vượt quá 200 m ³ đến 400 m ³	188yen	232yen
	Phần vượt quá 400 m ³ đến 600 m ³	201yen	248yen
	Phần vượt quá 600 m ³ đến 1,000 m ³	215yen	265yen
	Phần vượt quá 1,000 m ³ đến 2,000 m ³	249yen	307yen
	Phần vượt quá 2,000 m ³	264yen	326yen
Nước thải từ phòng tắm	Trên mỗi 1 m ³	14yen	17yen
Nước thải từ hồ bơi	Trên mỗi 1 m ³	106yen	131yen

【Cách tính phí sử dụng hệ thống thoát nước (Ví dụ)】

• Nếu lượng nước thải được thải ra trong 2 tháng là 40 m³

- ① Phí cơ bản (cho phần đến 16 m³) 1,666 yên
 - ② Phần vượt quá 16 m³ đến 30 m³ (30 m³ - 16 m³) 14 m³ × 138 yên = 1,932 yên
 - ③ Phần vượt quá 30 m³ đến 40 m³ (40 m³ - 30 m³) 10 m³ × 154 yên = 1,540 yên
- (① + ② + ③) × 1.1 (Thuế tiêu dùng 10%) = 5,651 yên (Đã bao gồm thuế tiêu dùng)

※ Bảng tham khảo nhanh về phí sử dụng hệ thống thoát nước (nước thải sinh hoạt) theo lượng nước sử dụng, vui lòng xem mặt sau.

○ Về việc áp dụng phí mới sau khi điều chỉnh

Phí sử dụng hệ thống thoát nước đã điều chỉnh sẽ được áp dụng từ ngày 1 tháng 4 năm 2025 (Reiwa 7).

Ngoài ra, phí sử dụng trong trường hợp thời gian sử dụng kéo dài qua ngày 1 tháng 4 thì sẽ được tính theo số ngày sử dụng riêng giữa phí trước và sau khi điều chỉnh.

【Thông tin liên hệ】

○ Về việc điều chỉnh phí sử dụng hệ thống thoát nước

Thành phố Yamato, Phòng Hành chính Nông nghiệp và Cơ sở Môi trường, Ban Quản lý Hệ thống Thoát nước, Nhóm Phụ trách quản lý Điện thoại: 046-260-5720

Trang web: <https://www.city.yamato.lg.jp/gyosei/soshiki/17/keiei/21182.html>



○ Tư vấn về giảm phí và hoãn thu phí sử dụng hệ thống thoát nước

Thành phố Yamato, Phòng Hành chính Nông nghiệp và Cơ sở Môi trường, Ban Quản lý Hệ thống Thoát nước, Nhóm phụ trách thiết bị thoát nước, quản lý Điện thoại: 046-260-5468

Ngày tạo: Ngày 1 tháng 11 năm Reiwa 6

○ Bảng tham khảo nhanh về phí sử dụng hệ thống thoát nước cho nước thải sinh hoạt trong 2 tháng (đã bao gồm thuế tiêu dùng)

※ Đường viền đậm thể hiện sự thay đổi đơn giá phí sử dụng hệ thống thoát nước.

Lượng nước thải được thải ra (m ³)	Phí sử dụng hệ thống thoát nước (yên)		Số tiền tăng thêm (yên)
	Hiện hành	Sau khi điều chỉnh	
0~16	1,485	1,832	347
17	1,608	1,984	376
18	1,731	2,136	405
19	1,854	2,288	434
20	1,977	2,439	462
21	2,101	2,591	490
22	2,224	2,743	519
23	2,347	2,895	548
24	2,470	3,047	577
25	2,593	3,198	605
26	2,717	3,350	633
27	2,840	3,502	662
28	2,963	3,654	691
29	3,086	3,806	720
30	3,209	3,957	748
31	3,347	4,127	780
32	3,484	4,296	812
33	3,622	4,466	844
34	3,759	4,635	876
35	3,897	4,804	907
36	4,034	4,974	940
37	4,172	5,143	971
38	4,309	5,313	1,004
39	4,447	5,482	1,035
40	4,584	5,651	1,067
41	4,722	5,821	1,099
42	4,859	5,990	1,131
43	4,997	6,160	1,163
44	5,134	6,329	1,195
45	5,272	6,498	1,226
46	5,409	6,668	1,259
47	5,547	6,837	1,290
48	5,684	7,007	1,323
49	5,822	7,176	1,354
50	5,959	7,345	1,386

Lượng nước thải được thải ra (m ³)	Phí sử dụng hệ thống thoát nước (yên)		Số tiền tăng thêm (yên)
	Hiện hành	Sau khi điều chỉnh	
51	6,112	7,533	1,421
52	6,265	7,722	1,457
53	6,418	7,910	1,492
54	6,571	8,098	1,527
55	6,724	8,286	1,562
56	6,877	8,474	1,597
57	7,030	8,662	1,632
58	7,183	8,850	1,667
59	7,335	9,038	1,703
60	7,488	9,226	1,738
61	7,641	9,414	1,773
62	7,794	9,603	1,809
63	7,947	9,791	1,844
64	8,100	9,979	1,879
65	8,253	10,167	1,914
66	8,406	10,355	1,949
67	8,559	10,543	1,984
68	8,712	10,731	2,019
69	8,864	10,919	2,055
70	9,017	11,107	2,090
71	9,170	11,295	2,125
72	9,323	11,484	2,161
73	9,476	11,672	2,196
74	9,629	11,860	2,231
75	9,782	12,048	2,266
76	9,935	12,236	2,301
77	10,088	12,424	2,336
78	10,241	12,612	2,371
79	10,393	12,800	2,407
80	10,546	12,988	2,442
81	10,699	13,176	2,477
82	10,852	13,365	2,513
83	11,005	13,553	2,548
84	11,158	13,741	2,583
85	11,311	13,929	2,618

Lượng nước thải được thải ra (m ³)	Phí sử dụng hệ thống thoát nước (yên)		Số tiền tăng thêm (yên)
	Hiện hành	Sau khi điều chỉnh	
86	11,464	14,117	2,653
87	11,617	14,305	2,688
88	11,770	14,493	2,723
89	11,922	14,681	2,759
90	12,075	14,869	2,794
91	12,228	15,057	2,829
92	12,381	15,246	2,865
93	12,534	15,434	2,900
94	12,687	15,622	2,935
95	12,840	15,810	2,970
96	12,993	15,998	3,005
97	13,146	16,186	3,040
98	13,299	16,374	3,075
99	13,451	16,562	3,111
100	13,604	16,750	3,146
101	13,779	16,966	3,187
102	13,954	17,182	3,228
103	14,129	17,397	3,268
104	14,304	17,613	3,309
105	14,479	17,828	3,349
106	14,654	18,044	3,390
107	14,829	18,260	3,431
108	15,004	18,475	3,471
109	15,178	18,691	3,513
110	15,353	18,906	3,553
200	31,094	38,310	7,216
300	51,774	63,830	12,056
400	72,454	89,350	16,896
500	94,564	116,630	22,066
600	116,674	143,910	27,236
700	140,324	173,060	32,736
1,000	211,274	260,510	49,236
1,500	348,224	429,360	81,136
2,000	485,174	598,210	113,036
2,500	630,374	777,510	147,136

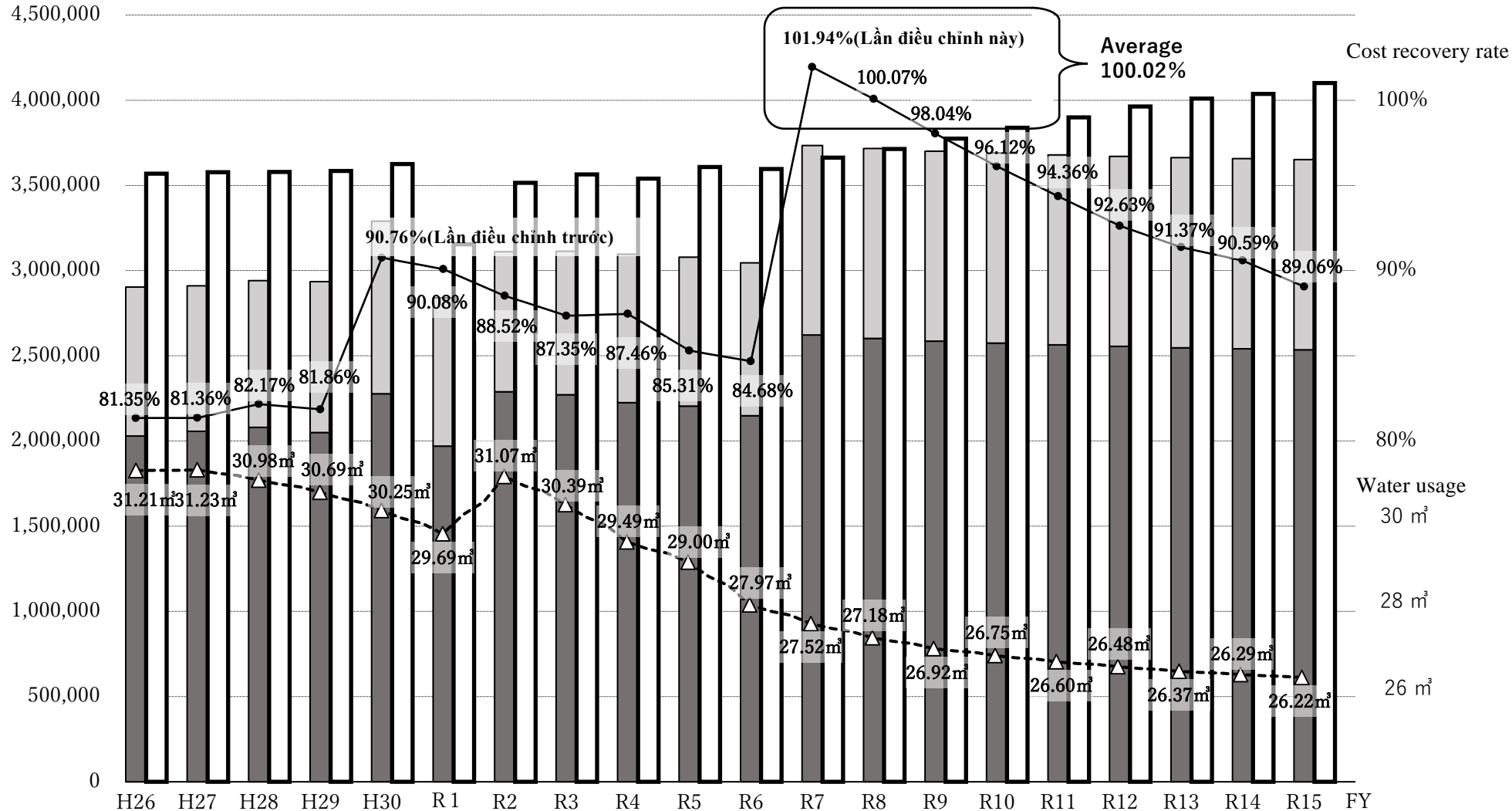
Sự biến động của phí sử dụng hệ thống thoát nước và chi phí xử lý nước thải

(Tính đến năm 2023 là giá trị thực tế, từ năm 2024 trở đi là giá trị dự kiến)

Phí sử dụng hệ thống thoát nước (dành cho hộ gia đình)
 Phí sử dụng hệ thống thoát nước (dành cho doanh nghiệp)
 Chi phí xử lý nước thải

Tỷ lệ thu hồi chi phí (tỷ lệ chi phí xử lý nước thải được bù đắp bởi phí sử dụng hệ thống thoát nước)
 Lượng nước sử dụng trung bình của 1 hộ gia đình (trong 2 tháng)

(Nghìn yên)



(Nghìn yên)

Giá trị thực tế	2014 (Heisei 26)	2015 (Heisei 27)	2016 (Heisei 28)	2017 (Heisei 29)	2018 (Heisei 30)	2019 (Reiwa 1)	2020 (Reiwa 2)	2021 (Reiwa 3)	2022 (Reiwa 4)	2023 (Reiwa 5)
Phí sử dụng hệ thống thoát nước	2,903,083	2,910,246	2,941,476	2,935,007	3,291,030	2,841,368	3,111,499	3,113,293	3,096,661	3,078,570
Chi phí xử lý nước thải	3,568,451	3,577,113	3,579,532	3,585,581	3,625,913	3,154,109	3,514,843	3,564,076	3,540,644	3,608,618
Giá trị dự kiến	2024 (Reiwa 6)	2025 (Reiwa 7)	2026 (Reiwa 8)	2027 (Reiwa 9)	2028 (Reiwa 10)	2029 (Reiwa 11)	2030 (Reiwa 12)	2031 (Reiwa 13)	2032 (Reiwa 14)	2033 (Reiwa 15)
Phí sử dụng hệ thống thoát nước	3,045,698	3,734,787	3,717,275	3,701,585	3,690,034	3,679,739	3,670,760	3,663,076	3,656,831	3,651,614
Chi phí xử lý nước thải	3,596,685	3,663,699	3,714,617	3,775,523	3,839,010	3,899,537	3,962,646	4,009,089	4,036,495	4,100,369